TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO PHONG** **TỈNH HÒA BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 22/04/2024
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO PHONG - TỈNH HÒA BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Đức Thịnh.**
Các hội thẩm nhân dân: Bà **Kiều Thị Hồng Thủy** và bà **Trần Thị Mai.**
Thư ký phiên tòa: Ông **Đặng Thành Đạt** - Thư ký Toà án.
Kiểm sát viên tham gia phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Hằng** - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Phong.

Ngày 02 tháng 04 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 15/2023/TLST- HNGĐ ngày 14/11/2023 về việc: *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2024/QĐ-TA ngày 13/03/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2024/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 04 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Bùi Văn C**, sinh năm 1994 *(Vắng mặt có lý do).*
Bị đơn: Chị **Bùi Thị N**, sinh năm 1999 (*Vắng mặt không có lý do)*
Cùng cư trú tại: Xóm Ong, xã Nam Phong, huyện Cao Phong, Hòa Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại phiên tòa ngày hôm nay, theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong qúa trình giải quyết vụ án cũng như đơn xin xét xử vắng mặt anh Bùi Văn C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và chị Bùi Thị N, sinh ngày 10/01/1999 và có đăng ký kết hôn ngày 18/01/2017 tại UBND xã Nam Phong, huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn chị N có chuyển về gia đình tôi sinh sống tại xóm Ong, xã Nam Phong, huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình. Sau khi kết hôn và chung sống cùng nhau vợ chồng tôi hạnh phúc, vì điều kiện kinh tế và cuộc sống khó khăn nên vợ chồng tôi có đi làm ăn xa mỗi người một nơi. Từ đó chị N rất ít khi về thăm gia đình và không gửi tiền về để chăm lo cuộc sống cho con cái. Đến năm 2022 sau khi sinh con thứ hai *(Cháu T)* được một thời gian, chị N có đưa cháu T về nhà bố mẹ đẻ sinh sống sau đó có để con ở nhà cho ông bà ngoại chăm sóc và đã đi làm ăn xa, thỉnh thoảng có về nhà bố mẹ đẻ thăm con rồi lại đi. Vợ chồng tôi đã sống ly thân được 02 *(Hai)* năm nay, rất nhiều lần tôi có gọi điện liên lạc với chị N để nói chuyện nhằm hàn gắn tình cảm nhưng không được. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn gia đình trầm trọng . Vì vậy tôi đề nghị Tòa án nhân dân huyện Cao Phong giải quyết cho chị được ly hôn với chị Bùi Thị N.

Về con chung: Trong quá trình chung sống tôi và chị Bùi Thị N có 02 *(Hai)* người con chung tên là Bùi Thúy N, sinh ngày 14/09/2016 và Bùi Anh T, sinh ngày 26/09/2021.

Hiện tại chị N đã đưa cháu Bùi Anh T về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Cháu Bùi Thúy N hiện đang sống với tôi và ông bà nội. Khi ly hôn tôi nhận nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu N và để chị N nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu T. Hiên tại tôi đang làm tại một kho hàng ở thành phố Hà Nội, thu nhập bình quân hàng tháng của tôi khoảng 8.500.000 đồng *(Tám triệu năm trăm nghìn đồng)*. Sau khi ly hôn tôi chưa yêu cầu chị N phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng.

Về tài sản, công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía chị Bùi Thị N: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các các văn bản tố tụng *"Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Giấy triệu tập; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa"* nhưng không có kết quả, chị N vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến về việc giải quyết vụ án gửi cho Tòa án.

** Tại biên bản xác minh ngày 27/12/2023 và ngày 28/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cao Phong tại Công an xã Nam Phong, chính quyền địa phương nơi cư trú và gia đình chị Bùi Thị N với nội dung:*

Chị Bùi Thị N và anh Bùi Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn hợp pháp tại Uỷ ban nhân dân xã Nam Phong, huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình, ngày 18/01/2017. Sau khi kết hôn chị N có chuyển hộ khẩu về gia đình nhà anh C có địa chỉ tại xóm Ong, xã Nam Phong, huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình sinh sống. Sau nhiều năm chung sống cùng nhau thì vợ chồng chị N và anh C phát sinh mâu thuẫn. Hiện chị N đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ năm 2022 và có đi làm ăn xa, thường xuyên đi vắng khỏi địa phương thỉnh thoảng có về nhà rồi lại đi, mỗi lần chị N về nhưng không khai báo với chính quyền địa phương, chị N giấu diếm địa chỉ. Đến nay hai vợ chồng sống ly thân đã lâu, vì vậy khả năng đoàn tụ là rất khó.

Chị Bùi Thị N và anh Bùi Văn C có 02 *(Hai)* người con chung tên là Bùi Thúy N, sinh ngày 14/09/2016 và Bùi Anh T, sinh ngày 26/09/2021. Hiện chị N đã đưa cháu T về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, còn anh C cùng ông bà nội đang nuôi dưỡng, chăm sóc cháu N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Phong tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

- Về tố tụng: Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình công nhận việc chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự của Thẩm phán, HĐXX và các đương sự từ khi thụ lý đến trước khi HĐXX nghị án.

- Về nội dung: Xác định mâu thuẫn giữa anh C và chị N đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của anh Bùi Văn C xin ly hôn với chị Bùi Thị N. Anh C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

- Về phần con chung: Giao cháu Bùi Thúy N, sinh ngày 14/09/2016 cho anh Bùi Văn C trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Giao cháu Bùi Anh T, sinh ngày 26/09/2021 cho chị Bùi Thị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Anh C chưa đặt ra yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng**:** Xét thấy anh Bùi Văn C khởi kiện chị Bùi Thị N là vụ án dân sự tranh chấp *"Ly hôn, nuôi con"* căn cứ vào giấy xác nhận thông tin về cư trú, chị N có cư trú tại xóm Ong, xã Nam Phong, huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Phiên tòa ngày 02/04/2024, nguyên đơn anh Bùi Văn C có mặt, bị đơn chị Bùi Thị N vắng mặt không có lý do (*vắng mặt lần thứ nhất*) nên Hội đồng xét xử hoãn xét xử vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn anh Bùi Văn C *(Vắng mặt có lý do)* bị đơn chị Bùi Thị N, vắng mặt không có lý do (*vắng mặt lần thứ 2*). Vì vậy, căn cứ khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: anh Bùi Văn C và chị Bùi Thị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 18/01/2017 tại Ủy ban nhân dân xã Nam Phong, huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình nên hôn nhân giữa anh C và chị N là hôn nhân hợp pháp.

Trên cơ sở lời khai của anh C cho thấy, quá trình chung sống anh C và chị N không có hạnh phúc. Hai vợ chồng thường xuyên xảy ra bất đồng quan điểm sống, cãi vã không thể hàn gắn được, hiện tại anh chị sống ly thân đã lâu.

Từ những nhận định trên thấy mâu thuẫn giữa anh C và chị N đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không thể đạt được nên HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh C là phù hợp Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. và Điều 39 Luật dân sự.

[3]. Về con chung: Trong quá trình chung sống anh C và chị N có 02 *(Hai)* người con chung tên là Bùi Thúy N, sinh ngày 14/09/2016 và Bùi Anh T, sinh ngày 26/09/2021. Hiện cháu N đang sống với anh C. Chị N đã đưa cháu T về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Anh C thấy khả năng kinh tế của mình đủ để chăm lo cho cuộc sống của con. Chị N đi làm ăn xa ít khi về thăm gia đình nên không thể chăm lo cuộc sống cũng như việc học hành của con nên sau khi ly hôn anh C có nguyện vọng nhận nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu Bùi Thúy N, để chị N nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Bùi Anh T. Anh C chưa yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng.

Để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển toàn diện về mọi mặt của con chung. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh C, giao cháu Bùi Thúy N, sinh ngày 14/09/2016 cho anh C trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu N đủ 18 *(Mười tám)* tuổi. Giao cháu Bùi Anh T, sinh ngày 26/09/2021 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu T đủ 18 *(Mười tám)* tuổi. Anh C chưa đặt ra yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng.

[4]. Về tài sản chung, công nợ chung: Anh Bùi Văn C xác nhận không có tài sản chung và công nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Anh Bùi Văn C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 39 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Anh Bùi Văn C được ly hôn với chị Bùi Thị N.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Thúy N, sinh ngày 14/09/2016 cho anh Bùi Văn C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu N đủ 18 *(Mười tám)* tuổi. Giao cháu Bùi Anh T, sinh ngày 26/09/2021 cho chị Bùi Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu T đủ 18 *(Mười tám)* tuổi. Anh Bùi Văn C chưa đặt ra yêu cầu chị Bùi Thị N phải cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì quyền lợi về mọi mặt của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật. Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí**:** Anh Bùi Văn C phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003072 ngày 15/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Phong. Anh C đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh HB;
-VKSND huyện CP;
-Chi cục THADS huyện CP;
-Nơi đăng ký kết hôn;
-Các đương sự;
-Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Đức Thịnh